

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch
công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc
Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BNG ngày 30/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành đối ngoại trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đối ngoại;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ

chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong các cơ quan, tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 06/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 215/TTr-SNV ngày 25/3/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Khung danh mục gồm 149 vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (kèm theo Phụ lục I); danh mục vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (kèm theo Phụ lục II).

2. Cơ cấu ngạch đối với công chức không đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bao gồm các ngạch chuyên viên và tương đương (chiếm tỷ lệ 100%).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm:

1. Rà soát, hoàn thiện các nội dung của Đề án vị trí việc làm và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đã được phê duyệt theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý.

2. Thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, sử dụng, quản lý người lao động theo vị trí việc làm đã được phê duyệt theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý.

3. Hàng năm, thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có thay đổi về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm gửi về Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng để tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, quyết định theo trình tự quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện:

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: TH, VT



Trần Văn Lâu

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Phụ lục I

KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 543 /QĐ-UBND ngày 27 / 3 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
	TỔNG CỘNG: 149 VỊ TRÍ	
I	NHÓM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ: 12 VỊ TRÍ	
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện	Chuyên viên chính
2	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chuyên viên chính
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
4	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
5	Trưởng ban (thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện)	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
6	Phó Trưởng ban (thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện)	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
7	Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
8	Chánh Thanh tra cấp huyện	- Ngạch tối thiểu: Thanh tra viên hoặc tương đương - Ngạch tối đa: Thanh tra viên chính hoặc tương đương
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc cấp huyện)	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
10	Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
11	Phó Chánh Thanh tra cấp huyện	- Ngạch tối thiểu: Thanh tra viên hoặc tương đương - Ngạch tối đa: Thanh tra viên chính hoặc tương đương
12	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc cấp huyện)	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính
II	NHÓM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: 124 VỊ TRÍ	
13	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
14	Chuyên viên về thư ký - biên tập	Chuyên viên
15	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
16	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên
17	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên
18	Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên
19	Chuyên viên về lãnh sự	Chuyên viên
20	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	Chuyên viên
21	Chuyên viên về Kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên
22	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên
23	Chuyên viên về Dược	Chuyên viên
24	Chuyên viên về An toàn thực phẩm	Chuyên viên
25	Chuyên viên về Dân số	Chuyên viên
26	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên
27	Chuyên viên về Bảo hiểm y tế	Chuyên viên
28	Chuyên viên về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên
29	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
30	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
31	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên
32	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên
33	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
34	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
35	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
36	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
37	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
38	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
39	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên
40	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
41	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
42	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
43	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên
44	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên
45	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên
46	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên
47	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên
48	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên
49	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên
50	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên
51	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên
52	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên
53	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên
54	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên
55	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
56	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên
57	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên
58	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên
59	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
60	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên
61	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên
62	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên
63	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên
64	Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị	Chuyên viên
65	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	Chuyên viên
66	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên
67	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	Chuyên viên
68	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên
69	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên
70	Chuyên viên về quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật	Chuyên viên

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
71	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	Chuyên viên
72	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên
73	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên
74	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	Chuyên viên
75	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên
76	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên
77	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên
78	Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên
79	Chuyên viên Quản lý kiến trúc	Chuyên viên
80	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên
81	Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên
82	Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên
83	Chuyên viên Quản lý nhà ở	Chuyên viên
84	Chuyên viên Quản lý công sở	Chuyên viên
85	Chuyên viên Quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
86	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa)	Chuyên viên
87	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa)	Chuyên viên
88	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường thủy nội địa)	Chuyên viên
89	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên
90	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên
91	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên
92	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên
93	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
94	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên
95	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên
96	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên
97	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên
98	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên
99	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên
100	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên
101	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên
102	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên
103	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên
104	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên
105	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên
106	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	Chuyên viên
107	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên
108	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên
109	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên
110	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên
111	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên
112	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên
113	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên
114	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên
115	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên
116	Chuyên viên về quản lý xuất bản	Chuyên viên
117	Chuyên viên về quản lý in	Chuyên viên
118	Chuyên viên về quản lý phát hành	Chuyên viên
119	Chuyên viên về quản lý bưu chính	Chuyên viên

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
120	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên
121	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên
122	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	Chuyên viên
123	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên
124	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
125	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên
126	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên
127	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
128	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên
129	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên
130	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên
131	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên
132	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên
133	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên
134	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên
135	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên
136	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên
III	NHÓM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG: 09 VỊ TRÍ	
137	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
138	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
139	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
140	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
141	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3
142	Văn thư viên	Văn thư viên
143	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
144	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên
145	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên
IV	NHÓM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ: 04 VỊ TRÍ	
146	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động
147	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động
148	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động
149	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động



UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Phụ lục II

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TƯƠNG ỨNG VỚI NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 54³ /QĐ-UBND ngày 27 / 3 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG (I + II + III + IV)		91
	TỔNG CỘNG (I + II + III)		81
I	NHÓM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ		42
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	Chuyên viên chính	Kiểm nhiệm
2	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Chuyên viên chính	1
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
4	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
5	Trưởng ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	Kiểm nhiệm
6	Trưởng ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	Kiểm nhiệm
7	Trưởng ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	Kiểm nhiệm
8	Phó Trưởng ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
9	Phó Trưởng ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
10	Phó Trưởng ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
11	Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
12	Chánh Thanh tra huyện	- Ngạch tối thiểu: Thanh tra viên hoặc tương đương - Ngạch tối đa: Thanh tra viên chính hoặc tương đương	1

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
13	Trưởng phòng Nội vụ	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
14	Trưởng phòng Tư pháp	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
15	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
16	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
17	Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
18	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
19	Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
20	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
21	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
22	Trưởng phòng Dân tộc	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
23	Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	3
24	Phó Chánh Thanh tra huyện	- Ngạch tối thiểu: Thanh tra viên hoặc tương đương - Ngạch tối đa: Thanh tra viên chính hoặc tương đương	1
25	Phó Trưởng phòng Nội vụ	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
26	Phó Trưởng phòng Tư pháp	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
27	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
28	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
29	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
30	Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	3

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
31	Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
32	Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
33	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	2
34	Phó Trưởng phòng Dân tộc	- Ngạch tối thiểu: Chuyên viên - Ngạch tối đa: Chuyên viên chính	1
II	NHÓM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH		31
II.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân		3
1	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	3
2	Chuyên viên về thư ký - biên tập	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về lãnh sự	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
9	Chuyên viên về Kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
10	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về Dược	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Chuyên viên về An toàn thực phẩm	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
13	Chuyên viên về Dân số	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
14	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
15	Chuyên viên về Bảo hiểm y tế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
16	Chuyên viên về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.2	Thanh tra huyện		1
1	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	1
2	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
3	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	Kiểm nhiệm
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên	Kiểm nhiệm
8	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.3	Phòng Nội vụ		3
1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	2
3	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch		3
1	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên	1
2	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	1
5	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
9	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
10	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.5	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		2
1	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên	1
3	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
9	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
10	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
13	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
14	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
15	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
16	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		4
1	Chuyên viên về quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật	Chuyên viên	1
2	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	Chuyên viên	1
3	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
4	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
II.7	Phòng Dân tộc		1
	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	1
II.8	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		3
1	Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	1
2	Chuyên viên Quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Chuyên viên Quản lý nhà ở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên Quản lý công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Chuyên viên Quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
9	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa)	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
10	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa)	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường thủy nội địa)	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
13	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
14	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên	1
15	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
16	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên	1
17	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
18	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
19	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
20	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.9	Phòng Tài nguyên và Môi trường		2
1	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.10	Phòng Văn hóa và Thông tin		2
1	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên	1
2	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	Chuyên viên	1
3	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
9	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
10	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Chuyên viên về quản lý xuất bản	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
13	Chuyên viên về quản lý in	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
14	Chuyên viên về quản lý phát hành	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
15	Chuyên viên về quản lý bưu chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
16	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
17	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
18	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
19	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
20	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
II.11	Phòng Tư pháp		3
1	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên	1
3	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên	1
II.12	Phòng Giáo dục và Đào tạo		4
1	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên	1

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
5	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên	2
7	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
III	NHÓM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG		8
III.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân		6
1	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	4
3	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
7	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
9	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.2	Thanh tra huyện		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.3	Phòng Nội vụ		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch		1
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.5	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.7	Phòng Dân tộc		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.8	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.9	Phòng Tài nguyên và Môi trường		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.10	Phòng Văn hóa và Thông tin		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.11	Phòng Tư pháp		0
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế công chức và số lượng hợp đồng lao động
1	2	3	4
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.12	Phòng Giáo dục và Đào tạo		1
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
4	Văn thư viên	Văn thư viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
7	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
IV	NHÓM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ		10
IV.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân		9
1	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động	2
2	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động	4
3	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	3
IV.2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		1
	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động	1